TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **320**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2022
V/v: *Ly hôn, nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Việt Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Hà, Bà Nguyễn Thị Luận**

- ***Thư ký phiên tòa:*** **Bà Nguyễn Thị Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa:*** **Bà Nguyễn Thị Thu Hòa** - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 287/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên Đơn:** Chị Vũ Thị N, sinh năm 1995 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đăng ký HKTT: thôn XL, xã TXT, huyện CM, HN.

Chỗ ở hiện tại: thôn QH, xã ĐS, huyện CM, HN.

- **Bị đơn**: Anh Vũ Văn B, sinh năm 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đăng ký HKTT và hiện ở: thôn XL, xã TXT, huyện CM, HN.

NHẬN THẤY:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị có đăng ký kết hôn với anh Vũ Văn B, sinh năm 1996, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TXT, huyện CM vào năm 2016. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do anh B bị nghiện ma túy, ham chơi không quan tâm đến gia đinh. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị N xác nhận không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị N và anh B có 01 con chung là cháu Vũ Khánh T, sinh ngày 23/10/2016. Hiện tại, con đang ở với chị N. Ly hôn, chị xin nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Vũ Văn B:

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B không lên Tòa án làm việc. Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh B. Theo Biên bản lấy lời khai, anh B trình bày:

Anh B và chị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TXT vào năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà chồng một thời gian thì do anh B nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn, anh B đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng N - B có 01 con chung là Vũ Khánh T, sinh ngày 23/10/2016, hiện cháu đang ở với mẹ. Nếu vợ chồng N - B ly hôn thì anh cũng để chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

3. Ý kiến của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn, Bị đơn có đơn xin vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Vũ Văn B. Về con chung: Hiện tại, 01 con chung đang ở với chị N nên đề nghị HĐXX giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N tự nguyện không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh B cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Vũ Văn B đang cư trú tại thôn XL, xã TXT, huyện CM, HN. Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tống đạt theo đúng quy định pháp luật và anh Vũ Văn B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Vũ Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại xã TXT, huyện CM, HN năm 2016 nên hôn nhân giữa chị N và anh B là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị N: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh B nghiện ma túy, không quan tâm vợ con, ham chơi. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Trước yêu cầu của chị N xin ly hôn, anh B đồng ý ly hôn và xin được vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị N xin ly hôn anh B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là: cháu Vũ Khánh T, sinh ngày 23/10/2016. Xét thấy, cháu T hiện đang ở với mẹ, chị N xin tiếp tục được nuôi con nên giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Vũ Văn B.

2. Về con chung: Xác nhận vợ chồng chị Vũ Thị N và anh Vũ Văn B có 01 con chung là cháu Vũ Khánh T, sinh ngày 23/10/2016.

Giao cháu Vũ Khánh T, sinh ngày 23/10/2016 cho chị Vũ Thị N nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Vũ Văn B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0076003 ngày 17/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, HN.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Vũ Thị N, anh Vũ Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Tp. HN;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã TXT, huyện CM (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Dũng